

Số: 104 /TM-BVSN

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 10 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Đắk Lắk có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 01-HC/2027: Mua sắm hoá chất, vật tư xét nghiệm sử dụng năm 2027, 2028 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Nguyễn Thị Thanh Thuý

Chức vụ: Văn Thư Phòng TCHC

Điện thoại: 0257.3835106

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: tầng 10 - Phòng văn thư - Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: 52 An Dương Vương, Phường Bình Kiến, tỉnh Đắk Lắk.

(Báo giá ghi rõ nội dung: “Báo giá cho gói thầu số 01-HC/2027 của phòng VTTBYT”)

- Nhận qua email: sannhiphuyen@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 08 tháng 10 năm 2026 đến trước 17 giờ ngày 19 tháng 10 năm 2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét

5. Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 19 tháng 10 năm 2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hoá chất. (Theo Phụ lục 1 đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản hóa chất:

+ Địa điểm cung cấp: Kho VT-TBYT, Tầng 9, Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

+ Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến kho VT-TBYT thuộc Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 24 tháng (dự kiến từ tháng 01/2027 đến tháng 01/2029)

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng

- Phương thức thanh toán:

+ Hình thức thanh toán: chuyển khoản 100%

+ Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND).

+ Thời hạn thanh toán: không quá 90 ngày kể từ ngày cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ

5. Thông tin khác: đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam cung cấp đầy đủ thông tin (*Theo Phụ lục 2 đính kèm*)

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ (*để biết*);
- Web BV, Web Sở y tế, Web Bộ Y tế;
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>
- Lưu P.VT-TBYT, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Khoa Nguyên

DANH MỤC HOÁ CHẤT

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 104 /TM-BVSN ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	I. Hoá chất xét nghiệm huyết học				
	1. Thuốc thử xác định nhóm máu				
1.	Anti A (IgM)	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Lọ $\geq 10\text{ml}$		Lọ	120
2.	Anti B	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Lọ $\geq 10\text{ml}$		Lọ	120
3.	Anti AB	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Lọ $\geq 10\text{ml}$		Lọ	105
4.	Anti D (IgM+IgG)	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Lọ $\geq 10\text{ml}$		Lọ	90
	2. Hoá chất khác cho xét nghiệm huyết học				
5.	AHG (Anti Human Globulin)	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Lọ $\geq 10\text{ml}$		Lọ	20
6.	Blue Cresyl	Dùng trong nhuộm hồng cầu lưới. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chai $\geq 100\text{ml}$		Chai	01
7.	Bộ nội kiểm nhóm máu	Hộp gồm 4 lọ kháng nguyên hồng cầu 5% và 4 lọ huyết tương, mỗi lọ có thể tích tối thiểu 5 ml, tương ứng 4 nhóm máu A, B, O, AB, RH dương và âm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Hộp	24

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	II. Hoá chất xét nghiệm vi sinh				
8.	Môi trường tăng sinh chọn lọc cho liên cầu B	Ống chứa ≥ 9 ml môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS). Thành phần: Infusion from 450 g fat-free minced meat, Tryptone, Glucose, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Disodium phosphate, Nalidixic acid, Colistin sulfate, pH: 7.8 ± 0.2 ở 25°C . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Ống	300
9.	Môi trường nuôi cấy vi sinh vật Chromogenic Strepto B Agar	Đĩa thạch đổ sẵn màu xám nhạt chứa môi trường tạo màu chọn lọc được sử dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B. Đĩa 90mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Kiểm tra chất lượng trên từng lô hàng với tối thiểu các chủng chuẩn Streptococcus agalactiae ATCC® 13813, Escherichia coli ATCC® 25922, Enterococcus faecalis ATCC® 29212, Candida albicans ATCC® 10231		Đĩa	300

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
10.	Môi trường kháng sinh đồ Mueller Hinton Agar + 5% Horse Blood + NAD	Môi trường dùng cho kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn khó mọc (Neisseria, Haemophilus, Moraxella, Helicobacter pylori, các chủng pneumococci và streptococci), tuân theo hướng dẫn của EUCAST và CLSI. Đĩa 90mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Kiểm tra chất lượng trên từng lô hàng với tối thiểu các chủng chuẩn Streptococcus pneumoniae ATCC® 49619, Haemophilus influenzae ATCC® 49247		Đĩa	80
11.	Bộ định danh latex Streptococcus nhóm B	Định danh liên cầu nhóm B mọc trên môi trường cấy bằng phương pháp ngưng kết latex nhanh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Test	200
12.	Ống Mc Falan 0,5 dùng cho kháng sinh đồ	Ống thủy tinh chứa dung dịch chuẩn 0,5 Mc falan. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		ống	10
13.	Chủng vi khuẩn chuẩn S.aures 25923	Lọ chứa vi khuẩn đông khô. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Lọ	04
14.	Chủng vi khuẩn chuẩn E.coli 25922	Lọ chứa vi khuẩn đông khô. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Lọ	04
	III. Hoá chất giải phẫu bệnh				

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
15.	Papanicolaous 1a	Dung dịch nhuộm Hematoxylin Harris. Thành phần gồm có: Hematoxylin, nước, muối nhôm, Select glycols, Select acid, Select Preservative		ml	26.000
16.	Papanicolaous 2a	Dung dịch nhuộm Papanicolaous OG-6, dạng lỏng, màu cam, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước. Thành phần gồm có: Ethyl alcohol ~ 85% , nước ~5%, Isopropyl Alcohol ~4%, Methyl Alcohol ~4%, Phosphotungstic Acid <5%, Oganre <2%		ml	16.000
17.	Papanicolaous 3b	Dung dịch nhuộm Papanicolaous EA-50, dạng lỏng, màu xanh, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước		ml	16.000
18.	Eosin Y	Hóa chất nhuộm HE		ml	10.000
19.	Keo gắn Lamen	Hóa chất dùng để gắn phủ lên mô bệnh phẩm, dạng chất lỏng, không màu. Thành phần: toluene, Acrylate Polymer		ml	336
20.	Zero Xylen	Hóa chất dùng để tẩy Parafin trong nhuộm Hematoxylin và chạy máy xử lý mô		ml	120.000
21.	Formol 10%	Hóa chất dùng để cố định mô và chạy máy xử lý mô		ml	684.000

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
22.	Parafin type 6	Dùng trong đúc khối block		kg	12
	IV. Vật tư xét nghiệm				
23.	Test nhanh cúm A và B	Phát hiện phân biệt và định tính các kháng nguyên vi rút cúm loại A và loại B trực tiếp từ que phết mũi/họng/mũi-hầu. Độ nhạy $\geq 91.8\%$, Độ đặc hiệu $\geq 99\%$ so với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR. Kèm que kiểm chuẩn cúm A, cúm B và âm tính trong hộp test. Thời gian đọc kết quả: 10-15 phút Sản phẩm không có phản ứng chéo với 32 chủng virus và vi khuẩn gồm Adenovirus type 3, type 6, type 21, CMV, Mumps Virus Ag, Mycoplasma pneumonia, Bordetella pertussis, Klebsiella pneumoniae, Legionella pneumophila Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE		Test	200
24.	Test nhanh chẩn đoán chlamydia	Độ nhạy $\geq 93\%$.Độ đặc hiệu $\geq 98\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Test	75
25.	Xét nghiệm nhanh phát hiện kháng nguyên Dengue NS1, chẩn đoán sốt xuất huyết	Sinh phẩm test nhanh phát hiện kháng nguyên NS1 của virus Dengue trong mẫu huyết thanh, huyết tương. Dạng khay. Độ nhạy $\geq 92,4\%$ và độ đặc hiệu $\geq 98,4\%$ so với RT-PCR. Tiêu chuẩn ISO 13485.		Test	12.000

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
26.	Xét nghiệm nhanh phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng virus Dengue	Sinh phẩm test nhanh phát hiện kháng thể IgG hoặc IgM kháng virus Dengue ở trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người. Dạng khay. Không có phản ứng chéo với: Virus SeroDetect West Nile, Virus Sốt Vàng, Virus Chikungunya, Virus Viêm não Nhật Bản, Virus viêm não do ve, Virus Zika. Tiêu chuẩn ISO 13485. - DENGUE IgM: Độ nhạy tương đối $\geq 97.06\%$, Độ đặc hiệu tương đối $\geq 97.08\%$ so với phương pháp xét nghiệm ELISA. - DENGUE IgG: Độ nhạy tương đối $\geq 98.91\%$, Độ đặc hiệu tương đối $\geq 97.28\%$ so với phương pháp xét nghiệm ELISA.		Test	1.500
27.	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán HIV 1/2	Phát hiện định tính kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Dạng khay (tùng test rời riêng biệt). Độ nhạy: $\geq 99\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$. Không có phản ứng chéo với HCG của phụ nữ mang thai, mẫu dương tính với HCV, Syphilis, mẫu dương tính với HBsAg và Lipid huyết. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Test	3.500

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
28.	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán HIV 1/2	Phát hiện được cả kháng nguyên P24 của HIV 1; kháng thể HIV 1 và kháng thể HIV 2. Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu $\geq 99,72\%$. Cho kết quả nhanh trong vòng 20 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 40 phút, không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.	Nhóm G7	Test	400
29.	Xét nghiệm nhanh HbsAg	Xét nghiệm nhanh định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B. Không phản ứng chéo với: HAV, HSV, EBV, CMV, Rubella, Quai bị. - Độ nhạy tương đối 100%, Độ đặc hiệu tương đối: 100% so với phương pháp xét nghiệm Miễn dịch hóa phát quang (CMIA). Dạng khay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Test	5.000
30.	Xét nghiệm nhanh HbsAg	Độ nhạy $\geq 98\%$, độ đặc hiệu $\geq 99\%$.Giới hạn phát hiện $\geq 0.1\text{IU/ml}$ Thời gian trả kết quả 15 phút, độ ổn định kết quả 30 phút.	Nhóm G7	Test	400
31.	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán viêm gan C	Độ nhạy $\geq 99\%$, độ đặc hiệu $\geq 98\%$.Thời gian trả kết quả 15 phút, độ ổn định kết quả 30 phút.Test dạng khay thử (từng test rời riêng biệt).	Nhóm G7	Test	400

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
32.	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán giang mai	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán Giang mai. Không bị gây nhiễu bởi: Hemoglobin, Cholesterol, Bilirubin, Albumin, EDTA, Citrate, Heparin. Dạng khay. Độ nhạy tương đối 99,4%, Độ đặc hiệu tương đối 99,5% so với phương pháp xét nghiệm ELISA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Test	7.000
33.	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán giang mai	Độ nhạy $\geq 98\%$, độ đặc hiệu $\geq 99\%$. Thời gian trả kết quả 15 phút, độ ổn định kết quả 30 phút.	Nhóm G7	Test	400
34.	Que thử đường huyết	Độ chính xác kết quả đo đường huyết $\geq 95\%$. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp thiết bị y tế để sử dụng sinh phẩm trúng thầu.		Que	5.000
	V. Hoá chất khử khuẩn				
35.	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn Chlorhexidine 4,0 % (rửa tay sát khuẩn phẫu thuật)	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w). Dung dịch đạt tiêu chuẩn EN 12791 về sát khuẩn tay phẫu thuật. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.		Lít	500

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
36.	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt	Didecyl dimethyl ammonium chloride 0,1% (w/w); Polyhexamethylen biguanide hydrochloride 0,1% (w/w); Ethanol 30% (w/w). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vi sinh vật. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Lít	480
37.	Dung dịch khử khuẩn mức độ trung bình trang thiết bị y tế	Thành phần: N-(3-aminopropyl)-N-đodecylpropane-1,3-diamine: 7,2% (w/w). Thời gian tiếp xúc 5-15 phút. Tương thích nhiều loại vật liệu, không gây ăn mòn kim loại. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vi sinh vật. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Lít	120
38.	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao trang thiết bị y tế	Thành phần: Glutaraldehyde $\geq 2\%$ (w/w) kèm dung dịch đệm PH 6. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Thời gian đồ ra chậu ngâm: ≥ 30 ngày. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn về hiệu quả diệt vi khuẩn EN 14561, hiệu quả diệt nấm EN 14562 và hiệu quả diệt vi khuẩn Mycobacterium EN 14563. Tiêu chuẩn ISO 13485. Gồm có dung dịch và test thử kèm theo.		Lít	300

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
39.	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế (OPA)	Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn về hiệu quả diệt vi khuẩn EN 14561, hiệu quả diệt nấm EN 14562 và hiệu quả diệt vi khuẩn Mycobacterium EN 14563. Tiêu chuẩn ISO 13485. Gồm có dung dịch và test thử kèm theo.		Lít	500
40.	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme	Thành phần chính gồm 5 enzyme: Protease $\geq 0,5\%$ (w/w); lipase $\geq 0,2\%$ (w/w); amylase $\geq 0,15\%$ (w/w); mannanase $\geq 0,05\%$ (w/w); cellulase $\geq 0,05\%$ (w/w), pH trung tính, không gây ăn mòn dụng cụ. Đóng gói loại chai từ 1 đến 2 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.		Lít	100
41.	Viên ngâm sát khuẩn	Thành phần: Sodium Dichloroisocyanuarate (NaDCC) 50% (kl/kl), Adipic Acid $\geq 22,5\%$. 1 viên ngâm sát khuẩn có cân nặng $\geq 5g$. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc GMP hoặc tương đương		Viên	21.000
	VI. Hoá chất khác				
42.	Acid acetic 3%	Dung dịch acid acetic 3%		ml	2.000
43.	Lugol 3%	Dung dịch lugol 3%		ml	2.000

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
44.	Cồn tuyệt đối	Thành phần: Ethanol 99,5%, Nước cất. Đóng gói loại chai trong khoảng 1 đến 5 lít.		Lít	1.330
45.	Cồn 96 độ	Thành phần: Ethanol 96%, dùng trong y tế. Đóng gói loại chai trong khoảng 500-1000ml.		ml	30.000
46.	Cồn 75 độ	Thành phần: Ethanol 75%, dùng trong y tế. Đóng gói loại chai trong khoảng 500-1000ml.		ml	50.000
47.	Gel siêu âm	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Lít	320
48.	Glycerin	Dạng lỏng, độ tinh khiết $\geq 98\%$. Có thể dùng bảo quản vi khuẩn chuẩn đã hoàn nguyên		ml	18.000
49.	Nước javel	Nồng độ: 10-12%. Đóng gói loại chai trong khoảng 1 đến 5 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Lít	40
	Tổng cộng: 49 khoản				

Mẫu báo giá**BÁO GIÁ⁽¹⁾**

Kính gửi: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hóa chất như sau:

1. Báo giá cho các hóa chất và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hóa chất ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Hóa chất A										
2	Hóa chất B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hóa chất)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hóa chất nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hóa chất theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hóa chất” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, tiêu chuẩn kỹ thuật của hóa chất tương ứng với chủng loại hóa chất ghi tại cột “Danh mục hóa chất”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hóa chất.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ, hãng sản xuất của hóa chất.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hóa chất.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hóa chất hoặc toàn bộ hóa chất; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hóa chất hoặc toàn bộ hóa chất. Đối với các hóa chất nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và

các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của hóa chất.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hóa chất. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hóa chất (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.